

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/HSPT

Ngày: 20/5/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tuấn

Các thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Ông Nguyễn Ngọc Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Kim Oanh - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Trọng Trạng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2019/TLPT-HS ngày 17/4/2019 đối với bị cáo Lê Đình C, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 07/2019/HSST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Đình C - Sinh năm 1984 tại xã T, Huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Toán Hàng, xã Thiệu Toán, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Đình Đ và bà Lê Thị L; có vợ là Lương Thị T (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ ngày 14/5/2018 đến ngày 20/5/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

Người đại diện cho bị cáo: Ông Lê Đình Đ, sinh năm 1957 (bố bị cáo), có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Khắc H, Trợ giúp viên pháp lý, thuộc trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Bị hại không kháng cáo: Trịnh Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 13/05/2018 Lê Đình C ra bến xe Giáp Bát, Hà Nội đi xe khách Hào Hương từ Hà Nội về Thanh Hóa. C xuống xe tại ngã tư Dân Lực, huyện Triệu Sơn. Lúc này C nảy sinh ý định mua dao, giả vờ thuê xe ôm để cướp tài sản. Nghĩ vậy C xuống xe đi bộ về phía thị trấn Giắt vào quán mua một con dao thái thịt của ông Nghiêm Xuân N ở số nhà 97, phố P, thị trấn G, S với giá tiền 35.000đ. Sau khi mua được dao, C bỏ dao vào túi xách, tiếp tục đi bộ về ngã tư Dân Lực vào quán bán đồ ăn đêm của bà Vũ Thị T ở thôn T, xã D, S hỏi xem ở đây có ai đi xe ôm không thì bà T nói có con trai bà chạy xe ôm nhưng đang đi chở khách. C chờ khoảng 10 phút sau thì anh Trịnh Ngọc T về và nhận chở xe ôm

cho C. Hai bên thống nhất chở C về T, H với giá 70.000đ. Lên xe ôm, C đeo khẩu trang. Khi xe đi qua phố Đu xã Th thì C bảo anh T cho xe chạy về hướng xã Thiệu T. Đi đến đoạn cánh đồng xã Thiệu T, thấy đường vắng người nên C yêu cầu anh T dừng xe (mục đích để cướp tài sản) nhưng anh T không dừng mà đi tiếp đến ngã tư xã Thiệu Toán. C yêu cầu anh T rẽ trái đi vào thôn Toán Th. Đi đến đoạn cách cổng làng thôn khoảng 20 mét, Lê Đình C thấy vắng người nên quát to yêu cầu anh T dừng xe nhưng anh T không dừng. Ngay lúc đó, C thò tay phải lên tắt ổ khóa điện và rút chìa khóa xe máy, tay trái C lấy dao trong túi xách dơ lên quát và bắt anh T đưa điện thoại cho C. Anh T sợ nên lấy điện thoại trong người cùng với tai nghe màu trắng đang cắm trong điện thoại đưa cho C, C cầm điện thoại bỏ vào trong người. Lúc này T có xin C tha cho thì C chửi mày đừng lảm mồm, mày có tin tao chém mày không. Lê Đình C giơ dao lên dọa làm anh T sợ bỏ chạy về hướng trường mầm non xã Thiệu Toán. Sau khi lấy được chiếc điện thoại thì Lê Đình C bỏ chìa khóa xe ở yên xe máy của anh T rồi đứng trông xe máy một lúc, đến khi thấy có bóng người từ xa thì C sợ để chìa khóa và xe máy ở đó rồi bỏ đi về hướng nghĩa trang của xã Thiệu Toán, đến phần mộ dòng họ nhà mình, C để dao trên bờ tường rồi bỏ trốn lên huyện Thọ Xuân.

Chiều ngày 14/5/2018 Lê Đình C đã đến Cơ quan công an xin đầu thú và giao nộp lại tài sản đã cướp của anh T bao gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu HUAWEI màu gold và 01 tai nghe màu trắng. Ngoài ra C còn giao nộp 01 khẩu trang màu xanh, 01 điện thoại nokia màu đen số IMEI 357825/06/298468/6 đã qua sử dụng gắn sim số 0983.404.528 (là điện thoại của C).

Tại cơ quan điều tra, C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, và cho biết C chỉ cướp điện thoại mà không cướp luôn xe máy của T vì xe máy nhiều tiền, C lo không có tiền để đền và sợ bị nặng tội.

Kết quả định giá tài sản C chiếm đoạt của anh T là 1.530.000đ (một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra do Lê Đình C có nhiều biểu hiện đáng nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự nên Cơ quan CSĐT đã ra quyết định trưng cầu giám định đến Viện pháp y tâm thần trung ương để giám định tâm thần cho bị cáo. Kết quả kết luận giám định pháp y tâm thần là: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm và tại thời điểm giám định bị cáo Lê Đình C bị chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Con dao mà C sử dụng làm công cụ để cướp tài sản, C khai nhận sau khi cướp xong thì để tại phần mộ của nhà mình tại nghĩa trang xã Thiệu Toán, cơ quan CSĐT tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

01 điện thoại nhãn hiệu HUAWEI màu gold và 01 tai nghe màu trắng, cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh Trịnh Ngọc T.

01 khẩu trang màu xanh, 01 điện thoại nokia màu đen số IMEI 357825/06/298468/6 đã qua sử dụng gắn sim số: 0983.404.528 CQĐT xác định là tài sản của Lê Đình C, không liên quan đến vụ án nên đã trả lại tài sản cho bị cáo.

Do có hành vi nêu trên, tại Bản án số 07/2019/HSST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định: Lê Đình C phạm tội

“Cướp tài sản”; áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 168; điểm b, q, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điều 38, 54 BLHS; xử phạt Lê Đình C 36 (ba sáu) tháng tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên công nhận bị hại đã nhận lại đủ tài sản, tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Sau án sơ thẩm xử, ngày 15/3/2019, Lê Đình C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trong bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên nhận thấy bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới; bà nội bị cáo là Nguyễn Thị N, bà ngoại bị cáo là Phạm Thị D, có nhiều cống hiến cho đất nước, đều được nhà nước tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt nam anh hùng” nên KSV đề nghị HĐXX giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa: Bị cáo C có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS ở cấp sơ thẩm. Nay bị cáo lại có thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS mới ở cấp phúc thẩm và bị cáo đang bị bệnh tâm thần. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chữa bệnh.

Bị cáo C không tranh luận gì với ý kiến của Kiểm sát viên.

Đại diện bị cáo không tranh luận gì với ý kiến của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để tiếp tục chữa bệnh tâm thần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và xét xử ở cấp sơ thẩm, bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi, về quyết định của người tiến hành tố tụng và của Cơ quan tiến hành tố tụng.

Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng trình tự, thủ tục và hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ và nhận định của bản án sơ thẩm, thể hiện:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 13 tháng 5 năm 2018, tại thôn Toán Hàng, xã Thiệu Toán, huyện H; lúc này đường vắng vẻ, Lê Đình C đang ngồi trên xe máy phía sau anh Thắng, C đã lấy dao trong túi xách của C, dơ lên quất và bắt anh T đưa điện thoại cho C. Anh T sợ nên đã lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HVAWEI trong người và một tai nghe đang cắm trong điện thoại đưa cho C. Sau đó C còn dơ dao lên dọa chém anh T làm anh T sợ bỏ chạy.

Với hành vi trên, Lê Đình C bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Tuy tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn nhưng gây mất trật tự an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân.

[4] Xem xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú tại Công an huyện H và tự nguyện nộp lại tài sản, khắc phục hậu quả cho người bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Hiện tại, bị cáo là người có bệnh tâm thần, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bản án sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm b, q, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 BLHS là có căn cứ.

[5] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết mới, bà nội bị cáo là Nguyễn Thị N, bà ngoại bị cáo là Phạm Thị D, có nhiều cống hiến cho đất nước, đều được nhà nước tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt nam anh hùng”; ông nội bị cáo là Lê Đình L, là lão thành cách mạng, được nhà nước khen thưởng nhiều Huân, Huy chương trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS tại Khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Xét thấy, Lê Đình C có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 BLHS và có thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS mới tại cấp phúc thẩm; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, thuộc gia đình Cnh sách cách mạng và đang bị bệnh tâm thần, cần có thời gian tại ngoại để chữa bệnh nên HĐXX có thể chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo giáo dục tại địa phương như đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 65 BLHS 2015.

[7] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không xem xét.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 355; điểm e Khoản 1 Điều 357 BLTTHS.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo;

Sửa Bản án số 07/2019/HSST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện H về hình phạt đối với Lê Đình C.

Áp dụng: Điểm d Khoản 2 Điều 168, điểm b, s, q Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, 54 và 65 BLHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Lê Đình C 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản” cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao Lê Đình C cho Ủy ban nhân dân xã Thiệu T, huyện H tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể

quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Bị cáo C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà nội;
- VKS Cấp cao tại Hà nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện H;
- TAND huyện H;
- Công an huyện H;
- Cơ quan Thi hành án HS, DS;
- bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Dương Xuân Tuấn

